

BÌNH LUẬN VỀ QUYỀN ĐƯỢC XÉT XỬ CÔNG BẰNG TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

NGUYỄN THỊ LIÊN HƯƠNG*

Quyền được xét xử công bằng là nhân quyền cơ bản và có tính phổ quát cao, tồn tại trong cả các vụ án hình sự và phi hình sự được pháp luật ở hầu hết các nước trên thế giới thừa nhận. Bài viết bình luận về quyền được xét xử công bằng ở các phương diện: Đây là quyền con người cơ bản, đối tượng của quyền được xét xử công bằng và các quan điểm, định nghĩa về quyền này trong tố tụng hình sự.

Từ khóa: Quyền được xét xử công bằng, tố tụng hình sự.

Ngày nhận bài: 11/11/2021; Biên tập xong: 15/11/2021; Duyệt đăng: 15/11/2021

Right to a fair trial is a fundamental and universal human right that exists in both criminal and non-criminal cases recognized by law of most nations. The article comments on this right in the following aspects: This is a basic human right, its object as well as the viewpoints and definitions of this right in criminal proceedings.

Keywords: Right to a fair trial, criminal proceedings.

1. Quyền được xét xử công bằng là quyền con người cơ bản

Ở bình diện khái quát nhất, quyền được xét xử công bằng trong tố tụng hình sự thể hiện ở hai khía cạnh:

Thứ nhất, việc trừng trị người phạm tội gây ra những thiệt hại cho các quyền và lợi ích hợp pháp của con người, của các cơ quan tố tụng, góp phần bảo vệ quyền con người. Khi tội phạm xảy ra, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của con người thì các cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền phải có trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn, xử lý, đồng thời phải áp dụng chế tài thích đáng, phù hợp với quy định của pháp luật để trừng trị người phạm tội. Đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân khỏi sự xâm phạm của hành vi phạm tội là một trong những chức năng của Nhà nước và trách nhiệm quan trọng của cơ quan tiến hành tố tụng.

Thứ hai, khi tiến hành giải quyết vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm tôn trọng và bảo đảm quyền được xét xử công bằng của con người. Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng không được lợi dụng quyền tiến hành giải quyết vụ án để xâm phạm đến quyền con người. Pháp luật tố tụng hình sự có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền của người bị tình nghi, bị can, bị cáo và những người tham gia vụ án thông qua biện pháp trấn áp kịp thời, xử lý công minh theo đúng pháp luật đối với mọi hành vi phạm tội xâm phạm tới các quyền của công dân, đảm bảo tất cả mọi tội phạm đều bị phát hiện và xử lý. Đồng thời, pháp luật tố tụng hình sự còn quy định chặt chẽ các trình tự, thủ tục trong quá trình giải quyết vụ án của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nhằm tôn trọng quyền được xét xử công bằng, tránh

* Thạc sĩ, Khoa Luật, Học viện An ninh nhân dân

sự lợi dụng của người và cơ quan có thẩm quyền khi tiến hành tố tụng.

Đây là hai định hướng, hai lĩnh vực của pháp luật tố tụng hình sự trong việc bảo vệ quyền được xét xử công bằng bên cạnh nhiệm vụ bảo vệ chế độ, bảo vệ lợi ích của Nhà nước và trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy, Điều 2 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định nhiệm vụ của Bộ luật này là “bảo đảm phát hiện chính xác và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội; góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm”.

Những quyền con người trong tố tụng hình sự nêu trên phải căn cứ vào các tiêu chí về nhân quyền được ghi nhận trong pháp luật quốc tế, trọng tâm là văn kiện nhân quyền quốc tế do Liên Hợp Quốc soạn, bao gồm: Tuyên ngôn Quốc tế nhân quyền thông qua năm 1948, Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 với hai nghị định thư đính kèm và Công ước Quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Những văn bản pháp lý về nhân quyền là giá trị chung của nhân loại là kết quả đấu tranh hàng nghìn năm của những tư tưởng tiến bộ với những thế lực độc tài, là sự cố gắng không biết mệt mỏi của các quốc gia và cộng đồng quốc tế sau những biến cố mang tính lịch sử chà đạp quyền con người như Cuộc chiến tranh thế giới thứ hai. Mặt khác, khi quốc gia đã tham gia các công ước quốc tế về quyền con người thì phải có nghĩa vụ thực hiện và

một trong những cam kết đó là phải nội luật hóa những quy định của các văn bản pháp lý quốc tế về quyền con người. Ở đây, liên quan đến việc giải quyết nếu có sự khác biệt giữa luật quốc tế và luật quốc gia thì nguyên tắc xuyên suốt sẽ là ưu tiên áp dụng quy phạm pháp luật quốc tế. Vì vậy, khi quy định quyền con người trong tố tụng hình sự, pháp luật quốc gia cơ bản phải tuân theo những tiêu chuẩn quốc tế về quyền được xét xử công bằng, quyền con người. Tuy nhiên, trong những điều kiện nhất định, pháp luật quốc gia có thể đặt ra một lộ trình cho sự hoàn thiện pháp luật của mình hoặc có những quy định cho phù hợp với trình độ phát triển kinh tế, xã hội và đặc điểm pháp lý ở từng giai đoạn của đất nước.

2. Đối tượng của quyền được xét xử công bằng

Đối tượng của quyền được xét xử công bằng trong tố tụng hình sự là nhóm những người bị buộc tội gồm: Người bị bắt, người bị giam giữ, bị can, bị cáo, người phải chấp hành hình phạt và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như: Người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người làm chứng, người bào chữa... Những người này, khi tham gia vào các hoạt động tố tụng hình sự, dù với tư cách là người bị buộc tội hay là người bị hại, người tham gia tố tụng trong các vụ án hình sự thì họ vẫn được pháp luật bảo vệ và tôn trọng những quyền con người cơ bản như không phân biệt giới tính, chủng tộc, tôn giáo, địa vị xã hội và được bảo đảm từ nhiều quyền cụ thể khác trong tố tụng hình sự như: Quyền được xét xử bình đẳng, kịp thời; quyền được xét xử bởi tòa án độc lập, khách quan và được thành lập theo luật; quyền bào chữa; quyền được bảo đảm suy đoán vô tội...

Mặc dù nhóm những người bị buộc

tội và những người tham gia tố tụng là những đối tượng bị hoặc có khả năng bị áp dụng trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc, nhất là trách nhiệm hình sự nhưng họ vẫn có những quyền cơ bản, thiết thân như những quyền tư pháp để được xét xử công bằng và được điều tra khách quan trong quá trình tố tụng. Tuy nhiên, so với người khác, quyền của nhóm người này bị hạn chế do họ bị tình nghi phạm tội, bị kết án hoặc buộc phải tham gia tố tụng do có quyền, lợi ích liên quan đến sự việc phạm tội. Đây là điểm khác biệt của xã hội văn minh so với những xã hội khác mà ở đó, việc tra tấn người bị tình nghi tội phạm là phương pháp cơ bản của việc thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm hoặc đối xử với người phạm tội như những súc vật, không có bất cứ điều gì, kể cả những quyền thiết thân nhất của con người. Như vậy, đối tượng của quyền được xét xử công bằng bao gồm những người sau:

Người bị tình nghi phạm tội đang trong quá trình giải quyết vụ án, đang bị các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự nhằm xác nhận sự thật khách quan của vụ án. Những người này có thể là người bị bắt, người bị giam giữ, bị can, bị cáo theo quy định của pháp luật, họ chưa bị coi là người phạm tội mà mới chỉ là người bị tình nghi phạm tội.

Người phạm tội bị kết án và phải chấp hành hình phạt do Tòa án tuyên. Khác với người tình nghi phạm tội, đây là người được các cơ quan tiến hành tố tụng chứng minh và phán quyết là có tội, bị tuyên áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của họ phù hợp với quy định của pháp luật và được phán quyết bởi thủ tục tố tụng hình sự công bằng, khách quan.

Nhóm người tham gia tố tụng do

có quyền và lợi ích liên quan đến vụ án: Nguyên đơn dân sự, người bị hại, bị đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người bào chữa... Những người này ngoài việc tham gia tố tụng để bảo vệ quyền lợi của mình, họ còn góp phần làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án và bảo đảm sự công bằng trong quá trình giải quyết vụ án.

Như vậy, đối tượng quyền được xét xử công bằng trong tố tụng hình sự là người bị buộc tội, những người tham gia tố tụng cần được đảm bảo quyền lợi, khách quan, bình đẳng và xét xử công bằng. Đồng thời, trong quá trình đó, nhân phẩm danh dự, sức khỏe của họ phải được tôn trọng.

3. Các quan điểm và định nghĩa quyền được xét xử công bằng trong tố tụng hình sự

Ở các nước văn minh, tiến bộ và phát triển cao, xét xử công bằng là một trong những biểu hiện rõ nét nhất của Nhà nước pháp quyền và của nền tư pháp dân chủ nhằm bảo vệ hữu hiệu các quyền con người, quyền công dân. “Xét xử” là hoạt động của Tòa án, một hoạt động đặc trưng của việc thực hiện chức năng tư pháp của Nhà nước. Hoạt động này được tiến hành theo cách thức (thủ tục) nhất định dựa trên nguyên tắc tố tụng hết sức nghiêm ngặt bởi kết quả của nó ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan.

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chí xây dựng khái niệm về Quyền được xét xử công bằng là “Quyền cơ bản của người bị buộc tội trong vụ án hình sự và của các bên trong các vụ án phi hình sự trước cơ quan tư pháp (công an, công tố và tòa án) được pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia ghi nhận và bảo vệ, bao gồm nhiều quyền cụ thể như (được bảo đảm quyền bào chữa, được xét xử nhanh chóng,

công khai bởi tòa án độc lập không thiên vị ...) nhằm bảo đảm việc xét xử được công bằng cũng như các quyền và lợi ích của mọi cá nhân”.

Theo ThS. Lã Khánh Tùng, “Quyền được xét xử công bằng” là một nhân quyền cơ bản có tính phổ quát cao, tồn tại trong cả các vụ án hình sự và phi hình sự. Pháp luật nhiều quốc gia quy định quyền này với quan niệm rằng nó là quyền thiết yếu trong mọi quốc gia pháp trị. Việc đối xử với một người khi họ bị buộc tội phản ánh rõ Nhà nước tôn trọng nhân quyền đến mức nào; bởi vậy, quyền được xét xử công bằng đã được coi là một hòn đá tảng của các xã hội dân chủ.

Phạm vi của quyền được xét xử công bằng được hiểu tương đối khác nhau trong lập pháp và trong nhiều tài liệu nghiên cứu, hướng dẫn áp dụng. Nếu dịch sát nghĩa, “right to a fair trial” được hiểu là quyền đối với (quyền có một) phiên xử công bằng, tức là không phải bị xét xử bởi một phiên tòa không công bằng (unfair trial), dù là hình sự hay phi hình sự. Về mặt lập pháp, ngoài hệ thống pháp luật của các quốc gia, quyền được xét xử công bằng được ghi nhận trong nhiều điều ước quốc tế và khu vực, trước hết phải kể đến Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966. Tuy nhiên, theo nhiều quan điểm thì quyền được xét xử công bằng không chỉ gồm các quy định liên quan đến giai đoạn xét xử được quy định tại Điều 14 mà cả ở nhiều điều luật khác (Điều 7, 9, 15...) của Công ước này. Về thời điểm phát sinh, nhiều luật gia cho rằng ngay từ khi một cá nhân bị bắt, họ đã có quyền này bởi lẽ các quyền trước, trong và sau khi xét xử đều có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Việc đối xử với một người khi họ bị buộc tội phản ánh rõ Nhà nước tôn trọng

nhân quyền đến mức nào. Giống như đặc tính của mọi nhân quyền là phụ thuộc lẫn nhau, quyền được xét xử công bằng với các quyền khác có mối quan hệ hai chiều. Một phiên tòa công bằng là yếu tố thiết yếu để bảo đảm các quyền cơ bản khác của con người như quyền sống, quyền được an toàn về thân thể, tự do ngôn luận... Ngược lại, trong một xã hội không dân chủ, các quyền cơ bản của con người không được tôn trọng thì khó có thể có chuyện mọi người đều được xét xử công bằng. Quan hệ chặt chẽ giữa quyền được xét xử công bằng với pháp trị và dân chủ cũng đã được khẳng định chính thức trong Tuyên ngôn Dakar về quyền được xét xử công bằng tại Châu Phi. Tuyên ngôn Dakar khẳng định “Quyền được xét xử công bằng là một quyền tổng hợp gồm những quyền cụ thể sau: Quyền bình đẳng trước tòa án và được xét xử bởi tòa án độc lập, không thiên vị, công khai; Quyền bào chữa; Quyền được xét xử theo thủ tục riêng của người chưa thành niên; Quyền kháng cáo; Quyền được bồi thường khi bị kết án oan; Quyền không bị xét xử hai lần về cùng một tội danh; Không bị truy cứu hình sự vì lý do không thực hiện được nghĩa vụ hợp đồng; Không bị coi là có tội nếu hành vi không cấu thành tội phạm theo pháp luật vào thời điểm thực hiện hành vi; Không áp dụng hồi tố cũng như nghiên cứu khi đề cập đến quyền được xét xử công bằng”.

So với khái niệm “Quyền được xét xử công bằng”, khái niệm “Quyền được xét xử công bằng trong tố tụng hình sự” hẹp hơn và mang tính xác định hơn. Việc nhận thức đúng đắn về quyền được xét xử công bằng trong tố tụng hình sự có ý nghĩa nâng cao nhận thức của nhân dân, quán triệt quan điểm chính sách hình sự của Nhà nước về quyền con người trong tố tụng hình sự. Điều 31 Hiến pháp năm 2013 thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta trong việc thực hiện quyền

công bằng trong tố tụng hình sự khi quy định: “Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”. Quy định này hoàn toàn phù hợp với Điều 11 Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền: “Mỗi bị cáo đã bị buộc tội có quyền được coi là vô tội cho đến khi được chứng minh là phạm tội, pháp luật tại một phiên tòa xét xử công khai với mọi bảo đảm biện hộ cần thiết. Không ai bị coi là phạm tội về bất cứ hành động hoặc không hành động nào đã xảy ra vào thời điểm mà pháp luật quốc gia hay quốc tế không cấu thành một tội phạm hình sự”. Ngoài ra, Hiến pháp năm 2013 còn quy định một số nội dung của quyền được xét xử công bằng trong tố tụng hình sự như: Khoản 1 Điều 16 - Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật; Khoản 1 Điều 31 - Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Bên cạnh đó, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cũng đã cụ thể hóa và quy định một số quyền xét xử công bằng như: Điều 9 - Bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật; Điều 13 - Suy đoán vô tội; Điều 16 - Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự; Điều 23 - Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; Điều 32 - Bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự.

Từ những quyền xét xử công bằng trong tố tụng hình sự nêu trên, có thể thấy những quy định pháp luật về quyền được xét xử công bằng thể hiện mối quan hệ pháp lý giữa Nhà nước với các chủ thể trong mối quan hệ pháp luật tố tụng hình sự, mà bản chất là cả hai bên đều có quyền, nghĩa vụ đối với nhau và phải chịu trách nhiệm pháp lý như nhau khi vi phạm quyền và lợi ích của nhau. Mặt khác, các

quy định của pháp luật về quyền được xét xử công bằng trong tố tụng hình sự ở nước ta ngày càng hoàn thiện về hình thức và nội dung. Nội dung các quyền được xét xử công bằng ngày càng có tính hiện thực, phù hợp với khả năng, điều kiện thực tế của đất nước. Những quy định pháp luật về quyền được xét xử công bằng trong tố tụng hình sự gắn liền với quá trình dân chủ hóa xã hội, với việc giữ gìn và phát huy nền văn hóa đạo đức dân tộc, với sự tiếp thu có chọn lọc những giá trị văn hóa của nhân loại.

Từ những phân tích ở trên, khái niệm quyền được xét xử công bằng trong tố tụng hình sự có thể được định nghĩa như sau: *Quyền được xét xử công bằng trong tố tụng hình sự là tổng thể những nhóm quyền cụ thể (như được bảo đảm quyền bào chữa, được xét xử nhanh chóng, công khai bởi tòa án độc lập không thiên vị...) chủ yếu được luật tố tụng hình sự thừa nhận hay quy định cho các chủ thể khi tham gia vào các quan hệ pháp luật tố tụng hình sự với những địa vị pháp lý khác nhau. Đây là những giá trị gắn liền với một Nhà nước nhất định và được Nhà nước đó bảo vệ, thể hiện mối quan hệ pháp lý cơ bản giữa các chủ thể trong mối quan hệ pháp luật tố tụng hình sự với một Nhà nước nhất định./*

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Hiến pháp năm 2013;
2. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;
3. GS. TSKH. Lê Văn Cẩm, PGS. TS. GVC. Nguyễn Ngọc Chí, TS. GVC. Trịnh Quốc Toàn (2006), Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học Quốc gia Hà Nội: “Bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam”;
4. Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2009), *Giáo trình Lý luận và Pháp luật về quyền con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội;
5. Lã Khánh Tùng (2008), Tạp chí kiểm sát số 17/2008.